TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 01 năm 2023
(V/v không công nhận là vợ chồng)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y - TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phan Thị Nhiên**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Thanh** – Cán bộ hưu trí xã Y.
2. Ông **Vũ Minh Đón** – Nguyên Bí Thư Đoàn xã H.

- *Thư ký phiên tòa*: **Ông Đào Tiến Đạt** – Thư ký TAND huyện Y.

- *Đại diện VKSND huyện Y tham gia phiên tòa*: **Bà Nguyễn Thị Huyền Trang** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 110/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc *"Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2022/QĐXX-ST ngày 19 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970, (vắng mặt);

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Ngọc L, sinh năm 1970, (vắng mặt);

Đều địa chỉ: Thôn Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh H.

3. Người làm chứng:

+ Ông Phạm Ngọc K, sinh năm 1932, (vắng mặt);

+ Anh Phạm Ngọc L1, sinh năm 1987, (vắng mặt);

+ Chị Phạm Thị Giang Th, sinh năm 1990, (vắng mặt);

Đều địa chỉ: Thôn Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Ngọc L chung sống với nhau từ năm 1986 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương nhưng do lúc đó ông bà chưa đủ tuổi để đăng ký kết hôn nên ông bà đã không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi tổ chức lễ cưới xong, bà T về nhà ông L sinh sống và làm việc, chung sống cùng gia đình ông L, nhưng do vợ chồng tính tình không hợp, thời gian tìm hiểu ngắn, chủ yếu do mai mối nên ngay từ những ngày đầu về chung sống vợ chồng đã thường xuyên xảy ra mâu thuẫn xô xát, cãi chửi nhau, đỉnh điểm của sự mâu thuẫn là vào năm 2006. Vợ chồng cũng chính thức ly thân từ năm 2006 đến nay, và cũng từ khi chung sống cho đến nay bà T và ông L không đi đăng ký kết hôn. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông L, ông ông L cũng nhất trí.

- Về con chung: Bà T và ông L có 02 con chung là Phạm Ngọc L1, sinh ngày 09/7/1987 và Phạm Thị Giang Th, sinh ngày 19/10/1990. Hiện nay cả hai con chung đã trưởng thành nên bà T và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ và ruộng canh tác: Cả bà T và ông L đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Người làm chứng anh Phạm Ngọc L1 trình bày*: Anh là con trai lớn của bố Phạm Ngọc L và mẹ Nguyễn Thị T. Việc kết hôn và mâu thuẫn, của bố mẹ anh đúng như bố mẹ anh trình bày, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của bố mẹ anh. Anh hiện đã trưởng thành và tự lập, quá trình chung sống với bố mẹ thì không có công sức gì hết nên anh không yêu cầu đề nghị gì.

** UBND thị trấn Y cung cấp:* Việc chung sống, mâu thuẫn, con chung cũng như việc đăng ký kết hôn của bà T và ông L như ông bà trình bày là đúng, từ khi tổ chức lễ cưới và về chung sống đến nay bà T và ông L vẫn chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn tại địa phương.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát huyện Y có quan điểm: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa xét xử, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y không có yêu cầu hoặc kiến nghị gì cần khắc phục vi phạm về tố tụng.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình; Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng giữa bà và ông L, ông L có hộ khẩu và nơi cứ trú tại thôn Đ, thị trấn Y, huyện Y, nên căn cứ vào điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh H.

Ông Phạm Ngọc L đã được tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, ông L vắng mặt lần thứ hai không có lý do, bà T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX xét xử vắng mặt bà T và ông L là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Ngọc L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1986 đến năm 2006, đến thời điểm xét xử sơ thẩm bà T và ông L vẫn không đăng ký kết hôn, theo quy định tại khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016, của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn áp dụng Luật hôn nhân và gia đình thì khi giải quyết Tòa án tuyên không công nhận là vợ chồng . Do đó yêu cầu của bà T là có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Ngọc L có 02 con chung là Phạm Ngọc L1, sinh ngày 09/7/1987 và Phạm Thị Giang Th sinh ngày 19/10/1990. Hiện nay cả hai con chung đã trưởng thành, có gia đình riêng và độc lập về kinh tế, bà T và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

[1]. Áp dụng Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016, của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, bộ tư pháp hướng dẫn áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án.

[2]. Xử: Không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Ngọc L là vợ chồng.

[3]. Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009286 ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh H. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Y;
- UBND thị trấn Y;
- Chi cục THA huyện Y;
- TAND tỉnh H;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phan Thị Nhiên